TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HSST
Ngày: 28/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Tiếp

2. Ông: Đặng Thái Dìn

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Triệu Thị Yên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thuỷ tham gia phiên toà:*** Bà: Lê Thị Cẩm Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2023, tại hội trường TAND huyện Cẩm Thủy. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2023/HSST ngày 23/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HS ngày 05/12/2023 đối với các bị cáo:

Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày 15/8/1999, tại xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Phạm Tuấn Phi H, sinh năm: 1976 và bà: Phạm Thị T, sinh năm: 1977 Chồng: Trương Văn T1, sinh năm: 1997 và có 01 (Một) con sinh năm 2018

Tiền án/Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấp đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/9/2023 đến nay, hiện đang được tại ngoại. Bị cáo có mặt.

Bị hại:

- Anh Trương Công T2, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Chị Trương Thị Thanh T3, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị T3: Anh Trương Công T2, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn G, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (Giấy uỷ quyền ngày 21/9/2023). Có mặt.

Người làm chứng: Anh Bùi Văn H1, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/7/2023, Phạm Thị Mỹ D đến dự đám cưới chị Trương Thị Thanh T3 là hàng xóm nhà chồng của D và theo xe của nhà gái đưa chị T3 về nhà chồng là anh Trương Công T2. Sau khi tổ chức hôn lễ thì ăn cơm tại nhà trai được khoảng 20 phút, D đi vào phòng cô dâu, chú rể để chụp ảnh, thấy trong phòng chỉ có một bé gái khoảng 06 tuổi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D mở ngăn kéo bàn trang thì thấy có 02 (Hai) chìa khóa móc vào nhau, đoán đó là chìa khóa của tủ quần áo, D đã sử dụng để mở cửa tủ quần áo. Khi mở được tủ, D thấy trong tủ có quần áo và 01 (Một) chiếc túi nhựa màu trắng trong suốt, D cầm túi lên xem thì phát hiện bên trong có một số nhẫn vàng, D mở túi ra, bốc một nắm nhẫn bỏ vào trong túi xách của mình rồi khóa cửa tủ quần áo lại, để chìa khoá vào chỗ cũ và đi ra khỏi phòng. Khi ra ngoài, do xe ô tô của gia đình nhà chị T3 đã về nên D đi bộ ra đường quốc lộ 217 để bắt xe người quen về B, đi đến đoạn vắng người, D cất số nhẫn vàng đã trộm cắp được vào trong áo ngực đang mặc trên người. Đứng chờ ở cổng trào thôn B, xã C được một lúc, D thấy Bùi Văn H1 đi đến, D nhờ H1 chở về B và H1 đã đồng ý. Khi đi đến khu vực dốc M thuộc địa phận thôn C, C, D nhận được điện thoại của chị T3 yêu cầu D đứng lại chờ T3 đến nên D bảo H1 dừng lại. Khi chị T3 cùng anh T2 đi đến nói về việc phát hiện bị mất trộm 08 (Tám) chiếc nhẫn và hỏi thăm, ban đầu D không thừa nhận nhưng sau đó biết không thể che dấu được hành vi phạm tội của mình nên đã khai nhận toàn bộ sự việc và trả lại anh T2, chị T3 08 (Tám) chiếc nhẫn bằng vàng vừa trộm cắp được .

Tại Kết luận giám định số 6279/KL-KTHS ngày 06/9/2023 của V Bộ C kết luận: 08 (T4) chiếc nhẫn gửi giám định là vàng, có hàm lượng vàng từ 99,95% đến 99,99%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 28/HĐĐGTS ngày 22/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: Tổng giá trị 08 (T4) chiếc nhẫn vàng gửi giám định là 28.050.000đ *(Hai mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Về dân sự: Gia đình bị hại anh Trương Công T2 đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với Bùi Văn H1, sinh năm 2003 trú tại thôn X, xã C, huyện C là người được bị cáo nhờ chở về huyện B sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tuy nhiên anh H1 không biết và không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của bị can nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H1.

Đối với bé gái khoảng 06 tuổi bị cáo khai thấy trong phòng cưới của anh T2, chị T3 khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, qua điều tra xác định, do hôm đó gia đình anh T2 tổ chức đám cưới nên có nhiều trẻ con cùng lứa tuổi đến chơi và cùng vào phòng cưới của anh chị nhưng các cháu đều không biết việc có người đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình anh.

Về vật chứng: Ngày 25/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định xử lý vật chứng số 38/QĐ-CSĐT trả lại: 01 (Một) chiếc nhẫn, mặt trong chiếc nhẫn có dòng chữ "Manh Hiep, Le Hoan + 287, 9999" có 01 tờ giấy trắng gắn kèm chiếc nhẫn, có dòng chữ "Doanh nghiệp V1 - B, 0975741087, Nhẫn tròn KL 1 chỉ, HLV: 24K"; 01 (Một) chiếc nhẫn, mặt bên trong chiếc nhẫn có dòng chữ "Kim N, 1 chỉ, 9999, 9999"; 01 (Một) chiếc nhẫn, mặt bên trong chiếc nhẫn có dòng chữ "Manh Hiep, Le Hoan + 287, 9999" có 01 tờ giấy trắng gắn kèm chiếc nhẫn, có dòng chữ "Doanh nghiệp V1 - Bá Thước, 0975741087, Nhẫn tròn KL 5 phân chỉ, HLV: 24K"; 01 (Một) chiếc nhẫn, mặt bên trong chiếc nhẫn có dòng chữ "PHUC LIEN, 0,5 chỉ, 24K 999" có 01 tờ giấy trắng gắn kèm chiếc nhẫn, có dòng chữ "Vàng Phúc L, N230715079, NHAN TRON 24K, KLV 0.500 CHỈ, TLĐ: 0.000 CHỈ"; 01 (Một) chiếc nhẫn, mặt trong chiếc nhẫn có dòng chữ "HÙNG HÀ, ĐIỀN LƯ, 9999" có 01 tờ giấy trắng gắn kèm chiếc nhẫn, có dòng chữ "VB HÙNG HÀ, 201630, 9999 nhẫn tròn, TL 0,5, Đ: C:"; 01 (Một) chiếc nhẫn, mặt trong chiếc nhẫn có dòng chữ "HAI NG, 9999, 0.5 CHỈ" có 01 tờ giấy trắng gắn kèm chiếc nhẫn, có dòng chữ "Vàng Hải N1 N230117012, nhẫn tròn, KLV: 0.5 Giá, TC: TĐ:"; 01 (Một) chiếc nhẫn, mặt trong chiếc nhẫn có dòng chữ "HUẤN, K.HUÂN 9999"; 01 (Một) chiếc nhẫn, mặt trong chiếc nhẫn có dòng chữ "THỰC THÁC, 9999, 0.5" cho anh Trương Công T2 (đại diện nhận).

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSCT, ngày 23/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thuỷ đã quyết định truy tố: Phạm Thị Mỹ D về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 - BLHS.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều

136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật TTHS. Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo: Phạm Thị Mỹ D từ 15 tháng đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về dân sự: Gia đình bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí HSST.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị hại phù hợp với lời khai của bị cáo và nội dung cáo trạng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

Ngày 28/7/2023 tại thôn B, xã C, huyện C, Phạm Thị Mỹ D đã có hành vi lợi dụng sơ hở của bị hại trộm cắp tài sản là 08 (T) chiếc nhẫn vàng của gia đình anh Trương Công T2 có tổng trị giá là 28.050.000đ *(Hai mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Phạm Thị Mỹ D phạm vào tội trộm cắp tài sản, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát huyện C truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lẽ ra bị cáo phải nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được bị cáo đã thành khẩn khai báo tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, nên ch□a cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa ph□ơng giám sát và giáo dục để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành ng□ời tốt.

[3]. Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật TTHS. Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Mỹ D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Mỹ D 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị Mỹ D được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thâm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Ánh Tuyết

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Thuỷ;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Sở Tư pháp;
- Cơ quan Điều tra;
- UBND xã Đồng Lương, H. Lang Chánh;
- Bộ phận THA Tòa án;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.